

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 12995:2020

CXS 318-2014

Xuất bản lần 1

ĐẬU BẮP QUẢ TƯƠI

Okra

HÀ NỘI – 2020

Lời nói đầu

TCVN 12995:2020 hoàn toàn tương đương với CXD 318-2014;

TCVN 12995:2020 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC/F10 *Rau quả và sản phẩm rau quả* biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Đậu bắp quả tươi

Okra

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho các giống đậu bắp quả tươi thương phẩm thuộc loài *Abelmoschus esculentus* (L.) Moench (syn. *Hibiscus esculentus* L.) họ Malvaceae, được tiêu thụ dưới dạng tươi, sau khi xử lý và bao gói.

Tiêu chuẩn này không áp dụng cho đậu bắp quả tươi dùng trong chế biến công nghiệp.

2 Yêu cầu về chất lượng

2.1 Yêu cầu tối thiểu

Trong tất cả các hạng, tùy theo yêu cầu cụ thể cho từng hạng và dung sai cho phép, đậu bắp quả tươi phải:

- nguyên vẹn, đã cắt sạch cuống;
- tươi, lành lặn, không bị thối hoặc hư hỏng đến mức không phù hợp cho sử dụng;
- sạch, hầu như không có bất kỳ tạp chất lạ nào nhìn thấy được bằng mắt thường;
- hầu như không chứa sinh vật gây hại và làm hư hỏng ảnh hưởng đến hình thức bên ngoài của sản phẩm;
- không bị ẩm bất thường, trừ khi bị ngưng tụ nước do vừa đưa ra khỏi môi trường bảo quản lạnh.
- không có bất kỳ mùi và/hoặc vị lạ nào;
- không bị hư hỏng do nhiệt độ thấp hoặc nhiệt độ cao;

Độ phát triển và tình trạng của đậu bắp quả tươi phải:

- chịu được vận chuyển và bốc dỡ;
- đến nơi tiêu thụ với trạng thái tốt.

TCVN 12995:2020

2.1.1 Đậu bắp quả tươi phải được thu hoạch và đạt độ phát triển thích hợp, không có xơ.

2.2 Phân hạng

Đậu bắp quả tươi được phân thành ba hạng như sau:

2.2.1 Hạng “đặc biệt”

Đậu bắp quả tươi thuộc hạng này phải có chất lượng cao nhất, chúng phải chắc và đặc trưng cho giống về hình dạng, hình thức bên ngoài và độ chín. Đậu bắp quả tươi phải không có khuyết tật, trừ các khuyết tật rất nhẹ, với điều kiện không ảnh hưởng đến hình thức bên ngoài, chất lượng quả, sự duy trì chất lượng và cách trình bày sản phẩm trong bao bì.

2.2.2 Hạng I

Đậu bắp quả tươi thuộc hạng này phải có chất lượng tốt. Cho phép có các khuyết tật nhẹ sau với điều kiện không ảnh hưởng đến hình thức bên ngoài, chất lượng, sự duy trì chất lượng và cách trình bày sản phẩm trong bao bì:

- khuyết tật nhẹ về hình dạng và độ già;
- khuyết tật nhẹ về màu sắc không quá 5 % tổng diện tích bề mặt;
- khuyết tật nhẹ trên vỏ quả như trầy, xước, vết trầy và xước không vượt quá 2 % tổng diện tích bề mặt.

2.2.3 Hạng II

Đậu bắp quả tươi thuộc hạng này không đáp ứng được các yêu cầu chất lượng trong các hạng cao hơn, nhưng phải đáp ứng được các yêu cầu tối thiểu quy định trong 2.1. Đậu bắp quả tươi thuộc hạng này phải có chất lượng tốt. Có thể cho phép đậu bắp quả tươi có các khuyết tật sau, với điều kiện vẫn giữ được các đặc tính cơ bản về chất lượng, sự duy trì chất lượng và cách trình bày của sản phẩm:

- khuyết tật về hình dạng và độ già;
- khuyết tật nhẹ về màu sắc không quá 10 % tổng diện tích bề mặt;
- khuyết tật nhẹ trên vỏ quả như trầy, xước, vết trầy và xước không vượt quá 5 % tổng diện tích bề mặt.

3 Yêu cầu về kích cỡ

Kích cỡ được xác định theo chiều dài quả (tính bằng centimet không có cuống), Bảng 1 đưa ra hướng dẫn và có thể được sử dụng tùy chọn.

Bảng 1 – Phân loại kích cỡ theo chiều dài quả

Mã kích cỡ	Chiều dài, cm
1	từ 2,0 đến 4,0
2	lớn hơn 4,0 đến 6,0
3	lớn hơn 6,0 đến 8,0
4	lớn hơn 8,0 đến 10,0
5	lớn hơn 10,0

4 Yêu cầu về dung sai

Cho phép dung sai về chất lượng và kích cỡ quả trong mỗi bao gói sản phẩm không đáp ứng các yêu cầu quy định của mỗi hạng.

4.1 Dung sai về chất lượng

4.1.1 Hạng “đặc biệt”

Cho phép 5 % số lượng hoặc khối lượng đậu bắp quả tươi không đáp ứng các yêu cầu của hạng “đặc biệt”, nhưng phải đạt chất lượng hạng I hoặc nằm trong giới hạn dung sai cho phép của hạng đó.

4.1.2 Hạng I

Cho phép 10 % số lượng hoặc khối lượng đậu bắp quả tươi không đáp ứng các yêu cầu của hạng I nhưng phải đạt chất lượng hạng II hoặc nằm trong giới hạn dung sai cho phép của hạng đó.

4.1.3 Hạng II

Cho phép 10 % số lượng hoặc khối lượng đậu bắp quả tươi không đáp ứng các yêu cầu của hạng II nhưng đạt các yêu cầu tối thiểu, trừ sản phẩm bị thối hoặc hư hỏng bất kỳ khác không thích hợp để tiêu thụ.

4.2 Dung sai về kích cỡ

Đối với tất cả các hạng, cho phép 10 % số lượng đậu bắp quả tươi tương ứng với cỡ trên và/hoặc cỡ dưới liền kề chỉ rõ trên bao gói.

5 Yêu cầu về cách trình bày sản phẩm

5.1 Độ đồng đều

Lượng đậu bắp quả tươi chứa trong bao gói phải đồng đều và chỉ gồm các quả có cùng giống, xuất xứ, hoặc loại thương mại, chất lượng và kích cỡ. Phần quan sát được của sản phẩm phải đại diện cho toàn bộ lô hàng.

5.2 Bao gói

Đậu bắp quả tươi phải được bó lại và bao gói thích hợp để bảo vệ sản phẩm. Vật liệu được sử dụng bên trong bao gói phải mới¹⁾, sạch và có chất lượng tốt để tránh được mọi nguy cơ hư hại bên trong hoặc bên ngoài sản phẩm. Cho phép sử dụng vật liệu giấy hoặc tem dùng làm nhãn liên quan đến các yêu cầu thương mại với điều kiện việc in nhãn hoặc dán nhãn phải sử dụng mực in hoặc keo dán không độc.

Đậu bắp quả tươi cần được đóng gói trong mỗi bao bì phù hợp với TCVN 9770 (CAC/RCP 44-1995) *Quy phạm thực hành bao gói và vận chuyển rau, quả tươi*.

5.2.1 Quy định về bao bì

Bao bì phải đảm bảo chất lượng, vệ sinh, thông thoáng và bền, thích hợp cho việc bốc dỡ, vận chuyển và bảo quản đậu bắp quả tươi. Bao bì không được có tạp chất và mùi lạ.

6 Dán nhãn hoặc ghi nhãn

6.1 Bao gói bán lẻ

Ngoài các yêu cầu của TCVN 7087 (CODEX STAN 1-1985) *Ghi nhãn thực phẩm bao gói sẵn*, cần áp dụng các yêu cầu cụ thể như sau:

6.1.1 Tên sản phẩm

Mỗi bao gói phải được dán nhãn ghi rõ tên của sản phẩm và có thể ghi tên giống và/hoặc loại thương mại, nếu sản phẩm không nhìn thấy được từ bên ngoài.

6.2 Bao gói sản phẩm không dùng để bán lẻ

Thông tin trên mỗi bao gói sản phẩm gồm các từ/cụm từ được ghi tập trung, dễ đọc, không tẩy xóa được và có thể nhìn thấy từ bên ngoài hoặc phải được thể hiện trong tài liệu kèm theo lô hàng.

6.2.1 Dấu hiệu nhận biết

Tên và địa chỉ nhà xuất khẩu, nhà đóng gói và/hoặc người gửi hàng. Mã nhận biết (tùy chọn)²⁾.

6.2.2 Tên sản phẩm

Tên của sản phẩm là "Đậu bắp quả tươi" nếu không thể nhìn thấy từ bên ngoài, tên của giống và/hoặc loại thương mại (tùy chọn).

¹⁾ Trong tiêu chuẩn này, vật liệu bao gói bao gồm cả loại vật liệu bao gói tái chế được phép dùng cho thực phẩm.

²⁾ Tại một số nước yêu cầu công bố rõ tên và địa chỉ. Tuy nhiên, trong trường hợp nước đó sử dụng cách thức ghi mã số thì phải viện dẫn "nhà bao gói và/hoặc nhà phân phối (hoặc các cách viết tắt tương đương)" ở chỗ gần nhất với mã số.

6.2.3 Nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm

Nước xuất xứ và vùng trồng (tùy chọn) hoặc tên quốc gia, khu vực hoặc địa phương.

6.2.4 Nhận biết về thương mại

- tên sản phẩm;
- kích cỡ (mã cỡ hoặc chiều dài tối đa hoặc tối thiểu, tính bằng centimet). Nếu mã cỡ khác với bảng thì cần phải ghi nhãn phù hợp.

6.2.5 Dấu kiểm tra (tùy chọn).

7 Chất ô nhiễm

7.1 Chất ô nhiễm

Sản phẩm quy định trong tiêu chuẩn này phải tuân thủ mức giới hạn tối đa cho phép về chất nhiễm bẩn theo quy định hiện hành ^[1].

7.2 Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật

Sản phẩm quy định trong tiêu chuẩn này phải tuân thủ mức giới hạn tối đa cho phép về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật theo quy định hiện hành ^[2].

8 Vệ sinh

8.1 Sản phẩm quy định trong tiêu chuẩn này nên được sơ chế và xử lý theo các quy định tương ứng của TCVN 5603 (CAC/RCP 1-1969) *Quy phạm thực hành về những nguyên tắc chung đối với vệ sinh thực phẩm*, TCVN 9943 (CAC/RCP 53-2003) *Quy phạm thực hành vệ sinh đối với rau quả tươi* và các tiêu chuẩn khác có liên quan như quy phạm thực hành, quy phạm thực hành vệ sinh.

8.2 Sản phẩm phải tuân thủ các tiêu chí vi sinh được thiết lập theo TCVN 9632 (CAC/GL 21-1997) *Nguyên tắc thiết lập và áp dụng các tiêu chí vi sinh đối với thực phẩm*.

Thư mục tài liệu tham khảo

- [1] Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm
 - [2] QCVN 8-2:2011/BYT *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm*
-